

KẾ HOẠCH
Phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030”; số 523/QĐ-TTg ngày 27/04/2022 phê duyệt Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản trên phạm vi cả nước định kỳ 5 năm đến năm 2030; số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030; số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái; số 76/QĐ-TTg ngày 18/01/2024 phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030; số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 582/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2026; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 18/3/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết số 821/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030; Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 09/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên về cơ cấu lại, phát triển và nâng

cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch số 53-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 20/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQ/TU ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch số 53-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện của các chương trình, đề án, kế hoạch trong lĩnh vực thủy sản của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tiềm năng phát triển thủy sản của tỉnh, bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

- Thực hiện bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản; khai thác, sử dụng tiềm năng mặt nước nuôi trồng thủy sản hợp lý, phù hợp với điều kiện môi trường sinh thái; khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu về phát triển kinh tế của tỉnh.

- Tạo sự đồng thuận, nhất trí cao của các cấp, các ngành, địa phương và người dân trên địa bàn tỉnh trong tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch trong lĩnh vực thủy sản của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành.

2. Yêu cầu

- Triển khai nghiêm túc, có chất lượng nhằm nâng cao công tác quản lý, điều hành và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch đề ra.

- Bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện.

- Bảo đảm kế thừa, tích hợp các Chương trình, Kế hoạch thực hiện đã ban hành nhằm nâng cao hiệu quả công tác phát triển sản xuất thủy sản bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện.

- Sử dụng tối ưu nguồn lực, vốn đầu tư, tài nguyên thủy sản và hệ sinh thái; gắn khai thác với bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao hiệu quả hoạt động

sản xuất thủy sản thông qua ứng dụng công nghệ vào sản xuất từ khai thác, nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, tạo sản phẩm có chất lượng, gia tăng giá trị, nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển bền vững, ổn định sản xuất cho người dân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển thủy sản theo hướng cơ cấu lại sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và bền vững, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển thủy sản, đặc biệt là nuôi biển. Tăng cường đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển thủy sản từ nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng hạ tầng cho các vùng nuôi tập trung. Giải quyết dứt điểm các khuyến nghị của EC, không để xảy ra tình trạng tàu cá khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Gắn mục tiêu phát triển thủy sản với bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ chủ quyền trên biển.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2026-2030 đạt 2,0%. Cơ cấu kinh tế lĩnh vực thủy sản chiếm 17% ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 17.980 ha, trong đó: Diện tích nuôi ngao 1.400 ha, nước lợ 480 ha, nước ngọt 16.100 ha (*trong đó 800 ha nuôi thủy đặc sản*); 2.000 ha nuôi thủy sản trong ao bán nổi; 2.300-2.500 lồng nuôi cá trên sông; 1.000 bè nuôi hàu; 400 lồng nuôi biển. Xây dựng 1-2 vùng sản xuất nuôi trồng thủy đặc sản đặc trưng của tỉnh. Xây dựng 2-4 vùng sản xuất nuôi trồng thủy sản quy mô lớn, diện tích 30-50 ha/vùng.

- Số tàu hoạt động xa bờ 175 tàu; thực hiện chuyển đổi nghề từ 4-5% số tàu cá (*hoạt động vùng ven bờ: 14 tàu/năm và vùng lồng 10 tàu/năm*) đang làm khai thác thủy sản sang nghề nuôi trồng thủy sản, dịch vụ nuôi trồng thủy sản... các nghề ngoài lĩnh vực khai thác hoặc giải bản tàu cá. Chuyển đổi 1,5-2% số tàu cá (*3 tàu/năm*) làm nghề lưới kéo khai thác vùng khơi sang các nghề lồng bẫy, chụp, vây, câu, dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản, phục vụ nuôi trồng thủy sản, chuyển ra ngoài lĩnh vực khai thác hoặc giải bản tàu cá.

- Công bố mở cảng cá loại 2 đối với cảng cá Tân Sơn, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

- Thả giống thủy sản ra các thủy vực tự nhiên trên 1,5 triệu con giống các loại/năm.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa với phương thức quản lý hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất giống, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh. Đầu tư mới và nâng cấp kết cấu hạ tầng các vùng nuôi, sản xuất giống thủy sản tập trung. Cơ bản hoàn thành việc chuyển tàu cá làm nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi hải sản, môi trường, hệ sinh thái trên vùng biển; góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nâng cao hiệu quả quản lý tàu cá, ổn định đời sống ngư dân; phát triển hiệu quả, bền vững ngành khai thác thủy sản.

III. NHIỆM VỤ

1. Về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản ở các vùng ven bờ, vùng lộng, vùng nội địa và tại các khu: Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản đang quy hoạch; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.

- Hằng năm thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế, bản địa vào vùng nước tự nhiên để phục hồi và cân bằng sinh thái, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành các khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản.

- Phục hồi và bảo vệ môi trường sống của loài thủy sản, đặc biệt là các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, nơi cư trú và đường di cư tự nhiên của các loài thủy sản.

- Định kỳ đánh giá, cập nhật, bổ sung các danh mục ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, loài thủy sản bản địa, đặc hữu có giá trị kinh tế để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch và biện pháp quản lý phù hợp.

- Thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tập trung tại các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; tăng cường xử lý hoạt động sử dụng xung kích điện, chất độc, chất nổ, ngư cụ khai thác có tính hủy diệt, tận diệt, khai thác thủy sản có kích thước nhỏ hơn quy định, khai thác, vận chuyển, mua bán, tiêu thụ các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

2. Về nuôi trồng thủy sản

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản tập trung tích tụ đất đai, đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, phát triển nuôi trồng thủy sản theo quy mô lớn. Tổ chức thực hiện tốt chuyển đổi diện tích trồng lúa hiệu quả thấp sang nuôi trồng thủy sản trong ao bán nổi. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi biển (vùng ngoài 6 hải lý) và xây dựng hệ thống dịch vụ hậu cần phục vụ cho hoạt động nuôi biển.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản trên cả ba loại hình mặt nước mặn, lợ, ngọt với các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục phát triển nuôi hiệu quả các đối tượng chủ lực (tôm sú, tôm thẻ, ngao), tập trung phát triển các đối tượng nuôi đặc sản có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao.

- Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi thủy đặc sản phù hợp với điều kiện của từng hộ dân (*nuôi các đối tượng: Lươn, cá rô đồng, cá trắm, cà ra...*); xây dựng và mở rộng các vùng, khu vực nuôi các loài thủy sản đặc trưng của địa phương nhằm tạo sản phẩm mang thương hiệu riêng, nâng cao giá trị kinh tế. Tiếp tục phát triển mô hình nuôi lồng, bè trên sông theo quy hoạch, ưu tiên những đối tượng có giá trị kinh tế cao.

- Hình thành và phát triển từ 2-4 vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, nuôi đối tượng tôm thẻ chân trắng tại xã Nam Cường, Hưng Phú. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển, chủ yếu nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh công nghệ cao, áp dụng các quy trình nuôi an toàn sinh học, VietGAP, GlobalGAP, ASC hoặc các quy trình áp dụng tương đương, gắn mục tiêu phát triển thủy sản với bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu, từng bước hình thành chuỗi sản xuất khép kín thực hiện truy xuất nguồn gốc đáp ứng thị trường trong nước và yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Phát triển vùng sản xuất và ương dưỡng giống thủy sản tập trung, ưu tiên phát triển giống, các đối tượng nuôi chủ lực, giá trị kinh tế cao, các loài mới có tiềm năng. Duy trì, phát triển các cơ sở giống hiện có, thực hiện gia hóa đàn giống bố mẹ, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nâng cao sản lượng, chất lượng giống thủy sản. Thu hút đầu tư vào vùng sản xuất ngao giống tại xã Đông Thái Ninh. Tổ chức sản xuất, kinh doanh, ương dưỡng giống bảo đảm cung cấp đủ 100% số lượng giống phục vụ nhu cầu nuôi thương phẩm trong tỉnh, thực hiện quản lý chặt chẽ chất lượng giống thủy sản kinh doanh, ương dưỡng theo quy định.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống dịch bệnh, kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản đồng thời tích hợp lên cơ sở dữ liệu quốc gia để phục vụ công tác quản lý, giám sát và kịp thời hỗ trợ người nuôi trong phòng ngừa, ứng phó rủi ro.

3. Về khai thác thủy sản

- Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái.

- Xây dựng cơ cấu nghề khai thác hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi thủy sản, đặc điểm kinh tế xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

- Xây dựng đề án phát triển tàu cá vỏ thép có chiều dài lớn nhất từ 24 mét và công suất từ 1.000 CV trở lên giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Xác định số lượng hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản, cắt giảm hằng năm theo loại nghề và bổ sung hợp lý số tàu cá cho phép đóng mới để bảo đảm đội tàu cá về ngưỡng bằng khoảng 60% số tàu cá hoạt động tại vùng ven bờ khoảng 70% số tàu cá hoạt động tại vùng lộng, khoảng 90% số tàu cá hoạt động tại vùng khơi so với thời điểm khi bắt đầu thực hiện Kế hoạch.

- Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi, sử dụng nhiều nhiên liệu sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản.

- Thực hiện chuyển đổi nghề: Từ nghề khai thác ảnh hưởng đến nguồn lợi sang nghề có tính chọn lọc cao phù hợp với điều kiện thực tế nghề cá tại tỉnh, đảm bảo hiệu quả bền vững; từ các nghề khai thác hải sản sang nuôi trồng thủy sản, hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản, nghề cá giải trí và các nghề khác ngoài lĩnh vực khai thác hoặc giải bản tàu cá.

4. Về chế biến thủy sản

- Nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm thủy sản sau thu hoạch, từng bước nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm chế biến phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư áp dụng dây chuyền hiện đại, tự động hóa đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Chú trọng xây dựng thương hiệu thủy sản, quảng bá sản phẩm thủy sản, đặc biệt đối với sản phẩm chủ lực của tỉnh; mở rộng vùng tiêu thụ sản phẩm thủy sản của tỉnh; tạo mối liên kết ngành và liên kết vùng để thúc đẩy phát triển sản xuất thủy sản bền vững, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về khoa học công nghệ

- Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật và các trang thiết bị hiện đại vào sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản. Đẩy mạnh áp dụng giống thủy sản có năng suất, chất lượng, giá trị cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với yêu cầu của thị trường.

- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, cơ giới hóa, hiện đại hóa tàu cá; giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, bảo đảm an toàn thực phẩm cho tàu cá. Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các sự cố, rủi ro, thiên tai trên biển.

- Ứng dụng công nghệ nuôi biển bằng lồng HDPE trên vùng biển tỉnh Hưng Yên.

- Nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản có năng suất cao, chất lượng, tuần hoàn, tiết kiệm nước, năng lượng, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với hệ thống nuôi thâm canh, siêu thâm canh, sinh thái. Áp dụng quy trình nuôi tốt (GAP) hoặc tương đương, tạo thương hiệu cho sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý nuôi trồng, khai thác thủy sản. Ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử cho các sản phẩm thủy sản.

2. Về cơ chế, chính sách

- Vận dụng hiệu quả các chính sách hiện có để phát triển thủy sản; rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan đến hỗ trợ đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học công nghệ trong lĩnh vực giống thủy sản; nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản trên ao bán nổi phù hợp với tình hình thực tế.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản; khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất giống, nuôi trồng, khai thác, liên kết tiêu thụ sản phẩm (chính sách hỗ trợ phát triển nuôi cá lồng, hỗ trợ chứng nhận VietGAP và chứng nhận an toàn khác). Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển tàu cá vỏ thép có chiều dài lớn nhất từ 24 mét và công suất từ 1.000 CV trở lên.

- Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ: Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng nuôi công nghệ cao, ương dưỡng giống, vùng nuôi cá lồng trên sông; nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu cá; hình thành các khu nuôi thủy sản công nghệ cao, tăng cường đầu tư

cơ sở vật chất, kỹ thuật công nghệ cho phát triển sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản; hỗ trợ người dân tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

3. Tổ chức sản xuất thủy sản

- Tổ chức liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản, tạo sự gắn kết, chia sẻ lợi nhuận, rủi ro giữa các doanh nghiệp, người sản xuất và các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm thủy sản.

- Phát triển các loại hình liên kết sản xuất thủy sản như tổ đội, hợp tác xã, đồng quản lý, liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ với doanh nghiệp và người khai thác, nuôi trồng thủy sản. Thành lập các tổ đội, hợp tác xã khai thác thủy sản; tổ chức thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Xây dựng các vùng nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao để tạo ra sản xuất thủy sản hàng hóa lớn.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm thủy sản đặc hữu địa phương như thương hiệu chỉ dẫn địa lý.

- Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng rộng rãi sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, cấp mã số vùng, cơ sở nuôi, gắn với việc truy xuất nguồn gốc, điều kiện an toàn thực phẩm và thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP). Thực hiện chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số trong nuôi trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

- Duy trì số lượng tàu cá hoạt động vùng khơi, giảm số lượng tàu cá hoạt động vùng ven bờ. Tổ chức tốt thông tin liên lạc, cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân trên biển, bảo đảm an toàn đi biển, tổ chức ứng cứu kịp thời khi có rủi ro. Giảm tổn thất sau thu hoạch từ khai thác thủy sản.

4. Chế biến và tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy mạnh quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản. Đa dạng sản phẩm chế biến từ các đối tượng nuôi truyền thống, đối tượng nuôi mới, đặc sản của tỉnh; đặc biệt chú trọng giới thiệu, quảng bá, xây dựng các thương hiệu và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, ưu tiên những sản phẩm thủy sản chủ lực, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và quy cách sản phẩm của các thị trường.

- Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển thị trường theo hướng thúc đẩy mở cửa thị trường cho các sản phẩm thủy sản của tỉnh. Liên kết với các địa phương trong vùng tăng cường công tác xúc tiến thương mại, củng cố và

phát triển thị trường truyền thống, các thị trường lớn và tìm kiếm phát triển các thị trường mới.

5. Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển thủy sản

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cảng cá: Xây dựng mới cảng cá Thụy Tân (cảng cá loại I); nâng cấp, cải tạo cảng cá Cửa Lân, cảng cá Tân Sơn (cảng cá loại II); cải tạo, nâng cấp cảng cá kết hợp tránh trú bão Cửa Lân, xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên; cải tạo, nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

- Khuyến khích đầu tư hiện đại hóa đội tàu khai thác xa bờ; ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trên tàu cá, như: Đóng mới, cải hoán vỏ tàu theo hướng sử dụng vật liệu vỏ mới (vỏ thép, vỏ composite, vỏ vật liệu mới); sử dụng máy thủy mới, công nghệ bảo quản sản phẩm khai thác, máy dò cá hiện đại, thiết bị giám sát hành trình và cơ giới hóa quá trình khai thác nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, không khí...) tại khu nuôi trồng, chế biến thủy sản.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung của tỉnh đã xuống cấp, không đồng bộ, vùng nuôi cá lồng trên sông. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng nuôi tập trung, nuôi biển. Đầu tư và hoàn thiện các công trình đầu mối, hệ thống thủy lợi, hệ thống điện, giao thông phục vụ các vùng được chuyển đổi sang nuôi tập trung, bảo đảm đáp ứng được yêu cầu sản xuất, đủ điều kiện để áp dụng công nghệ nuôi thâm canh và siêu thâm canh.

6. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất thủy sản, công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động thủy sản.

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước ngành thủy sản từ cấp tỉnh đến cấp xã, nâng cao trình độ chuyên môn lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, tích hợp phần mềm, cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành thủy sản gắn với phân cấp, quản lý, truy cập khai thác sử dụng phần mềm, cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành thủy sản theo quy định.

7. Về thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường tuyên truyền bằng nhiều hình thức. Thường xuyên tổ chức hội thảo, tập huấn, đăng tin, bài, trên các phương tiện thông tin đại chúng về thành tựu của ngành thủy sản và kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các quy định của pháp luật về công nghệ mới, tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; lồng ghép nội dung vào chương trình giáo dục nhà trường.

8. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án ưu tiên

(có Phụ lục kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn vốn chi đầu tư công, chi thường xuyên ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có), ngân sách tỉnh, ngân sách cấp xã; vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh và các nguồn vốn huy động, lồng ghép từ các chương trình, dự án khác. Hằng năm, trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước, nhu cầu kinh phí thực tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính và các địa phương báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm nguồn vốn ngân sách nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Xây dựng và sử dụng kinh phí sự nghiệp để triển khai thực hiện Kế hoạch trong dự toán ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với các địa phương rà soát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất cho phát triển thủy sản và đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên bảo vệ môi trường và bảo vệ đa dạng sinh học theo thẩm quyền quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động thủy sản.

2. Sở Tài chính

- Tổng hợp các nội dung, kết quả thực hiện Kế hoạch vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 5 năm và hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch theo đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và quy định pháp luật liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, đề xuất thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giống, thức ăn, công nghệ khai thác, bảo quản, chế biến...phù hợp với điều kiện của tỉnh; nhân rộng mô hình sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ có hiệu quả.

4. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, đề xuất thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản của tỉnh tại thị trường trong nước và quốc tế.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường: Căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch phát triển thủy sản phù hợp với quy hoạch và tình hình thực tế tại địa phương. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch. Hằng năm báo cáo kết quả tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công Thương;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, KT2^(Phong).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
04/06/2026 15:31:21

Lại Văn Hoàn

Phụ lục:

Các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án ưu tiên thực hiện giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số 209 /KH-UBND ngày 04/ 6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên chương trình/dự án/đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
1.	Đề án phát triển nuôi thủy đặc sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường	2026 -2030	Chi thường xuyên
2.	Dự án ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường	2027-2030	Chi thường xuyên
3.	Dự án phát triển phát triển nuôi lồng bè trên sông thuộc địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường	2028-2030	Chi thường xuyên
4.	Dự án cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Bình Thanh, tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Đầu tư công
5.	Dự án cải tạo, nâng cấp hạ tầng khu nuôi trồng Thủy sản công nghệ cao, xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Đầu tư công
6.	Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Chi thường xuyên
7.	Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Chi thường xuyên
8.	Dự án đóng mới tàu kiểm ngư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026 - 2028	Đầu tư công

9.	Dự án Điều tra đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản ở vùng biển ven bờ và vùng lòng phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý nghề cá tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Viện nghiên cứu Hải sản, các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã ven biển	2026-2030	Chi thường xuyên
10.	Chương trình bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Chi thường xuyên
11.	Dự án tạo dựng bãi rạn nhân tạo vùng biển Hưng Yên nhằm bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Đầu tư công
12.	Dự án xử lý cấp bách khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cảng cá Cửa Lân, xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Đầu tư công ¹
13.	Dự án xử lý cấp bách cải tạo, nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão cửa Diêm Hộ, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Đầu tư công ²

^{1, 2} Các dự án đã được UBND tỉnh cho phép đầu tư tại Văn bản số 1411/UBND-KT2 ngày 11/9/2025, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 24/4/2026.